

Số: 2426/QĐ-UBND

Nga Sơn, ngày 07 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán khảo sát xây dựng công trình: Sửa chữa, bổ sung thiết bị kho vũ khí Ban chỉ huy quân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Văn bản số 3482/BXD -HĐXD ngày 30/12/2014 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, bổ sung thiết bị kho vũ khí Ban chỉ huy quân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn về việc giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án công trình: Sửa chữa, bổ sung thiết bị kho vũ khí Ban chỉ huy quân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Hồ sơ và kèm theo Tờ trình số 184/TTr-BQL ngày 01/9/2017 của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán khảo sát xây dựng công trình: Sửa chữa, bổ sung thiết bị kho vũ khí Ban chỉ huy quân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và hạ tầng huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán khảo sát xây dựng công trình: Sửa chữa, bổ sung thiết bị kho vũ khí Ban chỉ huy quân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:



**1. Tên dự án:** Sửa chữa, bổ sung thiết bị kho vũ khí Ban chỉ huy quân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn;

**3. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Nga Sơn;

**4. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn.

**5. Đơn vị lập đề cương nhiệm vụ khảo sát và dự toán:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn.

**6. Nội dung chính của nhiệm vụ khảo sát xây dựng:**

**6.1. Mục đích khảo sát:**

Khảo sát địa chất và địa hình phục vụ công tác lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Sửa chữa, bổ sung thiết bị kho vũ khí Ban chỉ huy quân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**6.2. Phạm vi, phương pháp khảo sát xây dựng, tỷ lệ đo vẽ:**

**6.2.1. Phạm vi nghiên cứu:**

*1. Phạm vi nghiên cứu:*

Phạm vi nghiên cứu của dự án có vị trí như sau:

- + Phía Đông Giáp với trường tiểu học thị trấn;
- + Phía Tây giáp đường quốc lộ 10;
- + Phía Nam giáp khu dân cư;
- + Phía Bắc giáp Trung tâm hội nghị huyện;

*2. Hệ thống quy trình, quy phạm áp dụng:*

a. Khảo sát địa hình:

Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 22TCN 43-90, 96TCN 43-90;

b. Thiết kế:

- TCVN 4319:2012: Nhà công trình công cộng -nguyên tắc cơ bản để thiết kế.
- TCVN 5573:2012: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9362:2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
- Tải trọng và tác động- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737-1995.
- Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5575-1991.
- Các tiêu chuẩn khác của Quốc gia về chuyên ngành xây dựng:
- TCVN- 5760- 1993: Hệ thống yêu cầu chung về thiết kế lắp đặt và sử dụng.
- Tiêu chuẩn thiết kế thiết bị 20 TCN 27-91.

**6.2.2. Quy mô kỹ thuật chủ yếu:**

Cải tạo kho vũ khí ; thay thế mái lợp tôn đã han gỉ, dột nước, bong tróc nền nhà, tường nhà thấm dột, cửa sổ, cửa đi bằng sắt đã bị han gỉ hư hỏng; nền sân bị bong tróc, sửa chữa lại sân , làm lại mái tôn sân;

**6.2.3. Nội dung công tác khảo sát:**

*1. Công tác khảo sát địa hình bao gồm các hạng mục chủ yếu sau:*

- Thủy chuẩn kỹ thuật;
- Bình đồ hiện trạng khu vực tỷ lệ 1/500;
- Xử lý số liệu bằng các phần mềm phù hợp yêu cầu của thiết kế;
- Cấp số liệu bằng hồ sơ in và file điện tử;

a. Lưới đường chuyên:

Lưới khống chế mặt bằng: Bố trí 02 điểm thuận tiện đo vẽ mặt bằng;

\* Khối lượng dự kiến: 02 điểm.

b. Thủy chuẩn kỹ thuật:

Lưới thủy chuẩn kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp đo cao hình học bằng máy thủy bình Ni-025 hoặc máy có độ chính xác tương đương. Sai số trong giới hạn quy trình 22TCN263-2000.

Tổng khối lượng dự kiến: 0,5km

c. Đo vẽ bình đồ tuyến tỷ lệ 1/500:

+ Đo vẽ bình đồ tuyến tỷ lệ 1/500.

- Phạm vi đo vẽ bình đồ khu vực huyện đội, rộng ra ngoài phạm vi mỗi bên 25m.

+ Trên bình đồ này yêu cầu thể hiện đầy đủ địa hình, địa vật, các công trình nổi, công trình ngầm, đường giao thông, nhà cửa hệ thống cọc mốc...

+ Thể hiện được hết các vị trí đường dây điện cao thế, hạ thế, đường dây thông tin ... các khu vực mồ mả, di tích lịch sử, đền chùa miếu mạo, ...

\* Khối lượng đo vẽ bình đồ tỷ lệ 1/1000;

- Mặt bằng đo vẽ:  $200 \times 200 / 10000 = 4,0\text{ha}$ .

2. *Khảo sát mỏ vật liệu xây dựng:*

Điều tra nguồn các loại vật liệu: Đá, cát, đất đắp... Xác định vị trí, địa danh các mỏ vật liệu, đánh giá sơ bộ về chất lượng, trữ lượng của các mỏ, khả năng khai thác, điều kiện, cự ly vận chuyển đến công trình.

3. *Khảo sát, điều tra giải phóng mặt bằng:*

Điều tra trong phạm vi đo vẽ bình đồ khu vực. Bao gồm: Diện tích đất vườn, đất ruộng nhà cửa, nhà dân, ruộng vườn, ao hồ, cây cối, công trình điện, thủy lợi, mồ mả đền chùa miếu mạo v.v..

Công tác điều tra GPMB do Chủ đầu tư tiến hành và lập thành hồ sơ riêng.

STT	Tên công việc	ĐV Tính	Khối lượng
1	Đo vẽ bản đồ trên cạn, tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, địa hình C3	ha	0,4
2	Điểm khống chế cao độ địa hình	điểm	2,0
3	Số hóa bản đồ địa hình, tỷ lệ 1/500	ha	0,4
4	Cắm cọc mốc giới	mốc	4,0
5	Thủy chuẩn kỹ thuật	km	0,5

**6.3. Kinh phí khảo sát (dự kiến):** 19.878.154 đồng.

(Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng)

(Có dự toán thâm định chi tiết kèm theo)

**7. Nhiệm vụ của đơn vị tư vấn:**

Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng công trình phục vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công xây dựng theo **Điều 13** Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

**8. Thời gian thực hiện khảo sát:** 05 ngày.

**9. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

**10. Thời gian thực hiện:** Quý III, năm 2017.

**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành. Tổ chức quản lý, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KT&HT.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
**Trần Ngọc Quyết**



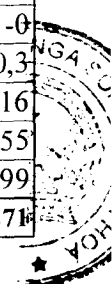
**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HẠNG MỤC ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
**CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, BỔ SUNG KHO THIẾT BỊ KHO VŨ KHÍ BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN NGA SON, TỈNH THANH HÓA**  
**HẠNG MỤC: KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH**

STT	Chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	<b>CHI PHÍ TRỰC TIẾP</b>			
1	<b>Chi phí vật liệu</b>	<b>VL</b>	<b>hsvl</b>	<b>105.752</b>
	- Đơn giá vật liệu	A1	Theo bảng tiên lượng	105.752
	- Chênh lệch vật liệu	CLVL	Theo bảng tổng hợp vật liệu	
	- Hệ số điều chỉnh vật liệu	hsvl	A1 + CLVL	105.752
2	<b>Chi phí nhân công</b>	<b>NC</b>	<b>hsnc</b>	<b>9.028.710</b>
	- Đơn giá nhân công	BI	Theo bảng tiên lượng	9.028.710
	- Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng tổng hợp nhân công	
	- Nhân hệ số bù giá nhân công	hsnc	BI + CLNC	9.028.710
3	<b>Chi phí máy thi công</b>	<b>M</b>	<b>hsm</b>	<b>117.220</b>
	- Đơn giá máy	C1	Theo bảng tiên lượng	68.948
	- Chênh lệch máy thi công	CLM	Theo bảng tổng hợp máy	48.271
	- Nhân hệ số điều chỉnh	hsm	C1 + CLM	117.220
	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>T</b>	<b>VL + NC + M</b>	<b>9.251.682</b>
II	<b>CHI PHÍ CHUNG</b>	<b>C</b>	<b>NC x 70%</b>	<b>6.320.097</b>
III	<b>THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC</b>	<b>TL</b>	<b>(T+C) x 5,5%</b>	<b>856.448</b>
	<b>Giá thành khảo sát xây dựng</b>	<b>G</b>	<b>T + C + TL</b>	<b>16.428.227</b>
	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng	G1pa	G x 2%	328.565
	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng	G1bc	G x 3%	492.847
	Chi phí hạng mục chung (chỗ ở tạm thời + di chuyển máy, thiết bị khảo sát)	Ghmc	G x 5%	821.411
	<b>Giá trị dự toán khảo sát trước thuế</b>	<b>Gtt</b>	<b>G+G1pa+G1bc+Ghmc</b>	<b>18.071.049</b>
IV	<b>THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	<b>GTGT</b>	<b>Gtt x 10%</b>	<b>1.807.105</b>
	<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>Gst</b>	<b>Gtt+GTGT</b>	<b>19.878.154</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Gks</b>	<b>Gst</b>	<b>19.878.154</b>

*Bảng chữ: Mười chín triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn một trăm năm mươi bốn đồng chẵn./.*

**BẢNG TỔNG HỢP MÁY**  
**CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, BỔ SUNG KHO THIẾT BỊ KHO VŨ KHÍ BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**  
**HẠNG MỤC: KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH**

STT	Mã hiệu	Tên vật tư / công tác	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc	Giá HT	Chênh lệch	Thành tiền
1	M0032	Bộ đo mia bala	ca	0,1520		2.401	2.401	365
2	M0329	Dalta 020	ca	0,3600		25.350	25.350	9.126
3	M0344	Đitomat	ca	0,1600		68.193	68.193	10.911
4	M1369	Máy Scaner	ca	0,0400	180.787	180.786	-1	-0
5	M1395	Ni 030	ca	0,3200	9.684	9.683	-1	-0,3
6	M1411	Máy toàn đạc điện tử	ca	0,0760	106.111	165.534	59.423	4.516
7	M1741	Theo 020	ca	1,1600		18.151	18.151	21.055
8	ZM999	Máy khác	%					2.299
		<b>TỔNG MÁY THI CÔNG</b>						<b>48.271</b>



**BẢNG DỰ TOÁN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**  
**CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, BỔ SUNG KHO THIẾT BỊ KHO VŨ KHÍ BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**  
**HẠNG MỤC: KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH**

STT	MSCV	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu	Nhân công	Máy	Vật liệu	Nhân công	Máy
1	CM.02103	Đo vẽ bản đồ trên cạn, tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, địa hình C3	ha	0,4000	36.513	2.386.558	33.045	14.605	954.623	13.218
2	CM.07103	Số hoá bản đồ địa hình, tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, khó khăn 3	ha	0,4000	5.221	1.753.224	34.608	2.088	701.290	13.843
3	CK.04103	Đo lưới không chế mặt bằng, giải tích cấp 2, địa hình C3	1 điểm	2,0000	33.313	2.452.908	15.257	66.626	4.905.816	30.514
4	CK.04403	Sản xuất và lắp dựng cọc mốc giới, cọc 0,15x0,15x0,8m, địa hình C3	mốc	4,0000	3.300	377.989	2.117	13.200	1.511.956	8.468
5	CL.01103	Đo khống chế độ cao, thủy chuẩn hạng 3, địa hình C3	km	0,5000	18.464	1.910.051	5.810	9.232	955.026	2.905
<b>CỘNG HẠNG MỤC</b>								<b>105.752</b>	<b>9.028.710</b>	<b>68.948</b>